TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 38/2020/DS-ST
Ngày: 16/7/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thìn

Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 587/2020/QĐST-DS ngày 25/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1989.
Địa chỉ: phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.
Bị đơn: Ông L, sinh năm 1993.
HKTT: Xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.
Địa chỉ: phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Ông T có đơn xin vắng mặt, ông L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông T trình bày: Ngày 07/9/2018 tôi có cho ông L vay số tiền 50.000.000đồng, khi vay có viết giấy vay tiền và ông L cam kết trong vòng 01 tháng sẽ trả hết cho tôi với lãi suất 0%.

Sau một tháng mượn tiền, tính đến ngày thanh toán ông L nói khó khăn chưa có tiền trả và chỉ trả cho tôi số tiền 7.500.000đồng.

Sau nhiều lần thất hứa đến tháng 01 và 02/2019 ông L trả cho tôi được 6.000.000đồng, tháng 6,7 và tháng 8/2019 trả cho tôi tổng cộng được 9.000.000đồng, tháng 10/2019 trả cho tôi được số tiền 1.000.000đồng. Tổng cộng ông L đã trả cho tôi được số tiền 23.500.000đồng. Từ đó đến nay không trả cho tôi bất kỳ khoản tiền nào.

Tôi đã nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán, nhưng ông L cứ hứa hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả số tiền 26.500.000đồng. Tôi không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai bị đơn ông L trình bày: Ngày 07/9/2018 tôi có vay của ông T số tiền 50.000.000 đồng, khi vay có viết giấy vay tiền và cam kết trong vòng 01 tháng sẽ trả hết cho tôi với lãi suất 0%.

Sau một tháng mượn tiền, do khó khăn tôi không thanh toán được số tiền trên cho ông T nên tôi xin thanh toán nhiều lần, tổng cộng tôi đã trả cho ông T được số tiền 23.500.000đồng.

Nay ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc tôi phải trả số tiền 26.500.000đồng thì tôi đồng ý.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng qui định pháp luật; Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, cấp tống đất văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông L phải trả cho ông T số tiền gốc còn nợ là 26.500.000 đồng. ông L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tống tụng cho ông L nhưng ông chỉ đến Tòa làm bản tự khai, không đến tòa tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải cũng như không đến Tòa án tham gia xét xử, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với ông T và ông L.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông L hiện cư trú tại địa bàn thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Tại bản tự khai ông L thừa nhận vào ngày 07/9/2018 ông có vay của ông T số tiền 50.000.000 đồng, khi vay có viết giấy vay tiền và cam kết trong vòng 01 tháng sẽ trả hết cho tôi với lãi suất 0%. Sau một tháng mượn tiền, do khó khăn ông không thanh toán được số tiền trên cho ông T nên ông L xin thanh toán nhiều lần, tổng cộng ông đã trả cho ông T được số tiền 23.500.000đồng. Nay ông T yêu cầu ông L phải trả số tiền 26.500.000 đồng thì ông L đồng ý.

Như vậy, việc ông T vay của ông L số tiền 50.000.000 đồng là có thật, ông L đã thanh toán được 23.500.000đồng, còn nợ số tiền 26.500.000 đồng ông đồng ý trả cho ông T.

Căn cứ theo qui định tại các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông L phải thanh toán cho ông T số tiền nợ gốc 26.500.000 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng)

[4]Về án phí DSST: Ông L phải chịu 1.325.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm, trả lại cho ông T số tiền 663.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008499 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 39, 203, 207, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông T.

Buộc ông L phải trả cho ông T số tiền gốc còn nợ là 26.500.000 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng)

Án phí DSST: Ông L phải chịu 1.325.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm, trả lại cho ông T số tiền 663.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008499 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân TP Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa;

- Lưu hồ sơ; văn phòng.

Nguyễn Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**